

# Tin đồn và dư luận xã hội

WARREN A. PETERSON, NOEL P. GIST.  
“Rumor and public opinion”. *American Journal of Sociology*,  
September 1951, Vol.57, No.2, 159-167 pp.

Phan Tân<sup>(\*)</sup> dịch<sup>(\*\*)</sup>

**Tóm tắt:** Tin đồn là một nỗ lực của tập thể để giải thích một tình huống có vấn đề và gợi nhiều cảm xúc. Một cuộc nghiên cứu trường hợp cho thấy rằng khi công chúng thực sự quan tâm đến, tin đồn có xu hướng được xây dựng và trở nên đa dạng, trái với mong đợi và giả định mà Allport và Postman đã tổng quát trên cơ sở thử nghiệm trong phòng thí nghiệm.

**Từ khóa:** Xã hội học, Dư luận xã hội, Tin đồn, Nghiên cứu trường hợp.

## I

“Tin đồn”, trong cách sử dụng thông thường, đề cập đến một thông tin chưa được xác minh hoặc lời giải thích về các sự kiện, lan truyền từ người này sang người khác và liên quan đến một đối tượng, sự kiện hoặc vấn đề được công chúng quan tâm. Dù với định nghĩa như vậy, các tin đồn có thể được xử lý riêng rẽ và vấn đề là tách riêng biệt các loại có đặc điểm chung. Có sự khác biệt đáng kể giữa các loại tin đồn khác nhau: tin đồn quá khứ tập trung vào các tác động của các sự kiện trong quá khứ, trái ngược với những tin đồn tiềm năng hoặc

tin đồn tiên đoán dự đoán về tương lai; những tin đồn được gieo rắc và lan truyền một cách có hệ thống để phục vụ mục đích của các nhóm đặc biệt, so với những tin đồn phát sinh một cách rõ ràng, tự nhiên trong điều kiện bất ổn xã hội; những tin đồn thể hiện sự bay bổng tột cùng của những giả định giàu trí tưởng tượng, trái ngược với những tin đồn mang tính chất hợp lý, giống kiểu tin tức. Do sự khác biệt lớn này, cần phải chú ý đến việc xác định và phân loại các tin đồn và vị trí của chúng trong lĩnh vực hành vi tập thể<sup>(\*)</sup>. Đặc biệt, các

<sup>(\*)</sup> TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội.

<sup>(\*\*)</sup> Bản dịch này được tài trợ bởi Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số: I3.4-2011.09.

<sup>(\*)</sup> Để phân tích một cách rất kỹ lưỡng các tin đồn như một quá trình tập thể, xem “Sự lưu hành tin đồn dưới dạng hành vi tập thể” của Tamotsu Shibutani (luận văn tiến sĩ chưa được xuất bản, Đại học Chicago, 1940).

phân tích tin đồn khách quan còn tùy thuộc vào cách xử lý có hệ thống của các quá trình dư luận xã hội khác nhau.

Mối quan tâm hiện nay của chúng tôi là những tin đồn có vẻ phát sinh một cách tự nhiên sau khi công chúng đã được hình thành thông qua mối quan tâm chung về một vấn đề hoặc sự kiện<sup>(\*)</sup>. Những tin đồn kiểu này có thể được coi là kết quả của những nỗ lực của tập thể để giải thích một tình huống có vấn đề, khi công chúng xem xét tình huống đó theo cảm xúc và khi còn thiếu thông tin chính thức.

Khác với các khái niệm tinh hơn như “văn hóa”, “dư luận xã hội” chỉ những thái độ và niềm tin tạm thời và biến động do những nỗ lực của tập thể để giải thích liên tục những tình huống mới xuất hiện. Một nhóm người bày tỏ một mối quan tâm đến một sự kiện hoặc vấn đề, truyền qua lại những thái độ và niềm tin liên quan đến nó, và giải thích những niềm tin và thái độ này bằng các thuật ngữ của bối cảnh văn hóa hiện tại và các hệ quy chiếu chuyên ngành của chúng. Điều này xảy ra trong một tổ chức xã hội và phụ thuộc vào sự lãnh đạo, các mối quan hệ nhóm và các kênh thông tin liên lạc trong xã hội<sup>(\*\*)</sup>.

(\*) Khi có tình trạng bất ổn xã hội chung, những tin đồn liên quan đến một loạt các vấn đề hoặc những tin đồn xác định các vấn đề hư cấu có thể xuất hiện. Trong trường hợp này, chính sự kiện đó sẽ đóng vai trò như là một sự kiện tạo ra công chúng.

(\*\*) Để thảo luận về những đặc điểm quan trọng của dư luận xã hội và các tác động phương pháp học, xem Herbert Blumer, “Dư luận xã hội và thăm dò dư luận xã hội”, *Tạp chí Xã hội học Mỹ*, XIII (1948), 542-549; Alfred McClung Lee, “Dư luận xã hội trong quan hệ với văn hóa”, *Tạp chí Tâm thần*, XIII (1945), 49-61; và Carroll D. Clark, “Khái niệm về công chúng”, *Tạp chí Khoa học xã hội Tây Nam hàng quý*, XIII (1933), 1-18.

Do sự xuất hiện liên tục của những sự kiện và vấn đề mới, các kênh thể chế hóa đã phát triển trong xã hội của chúng ta để truyền những thái độ và niềm tin mới. Các thông tin có ý nghĩa xã hội trên diện rộng thường được lan truyền bởi phương tiện truyền thông đại chúng, ít nhất là một phần. Thông tin quan trọng đối với một nhóm hay tổ chức cụ thể thông thường được lan truyền dưới dạng văn bản chính thức hoặc được truyền đạt xuống các cấp dưới, một cách phi chính thức hơn, với sự hiểu biết rõ ràng rằng có một số hình thức xử phạt có căn cứ. Dư luận xã hội giống như một phản ứng tự động hơn là một quan điểm có căn cứ. Ngay cả khi không có ý kiến xác thực trái ngược nhau, các vấn đề được thảo luận một cách phi chính thức và liên quan đến các thái độ và niềm tin chuyên môn của các nhóm cụ thể.

Ý kiến tin đồn rất khác so với các hình thức ý kiến công chúng khác, nó không được xác minh bằng các kênh truyền thông thông thường. Người ta thường giả định rằng tin đồn là điều bất thường, bệnh hoạn, phản ánh thực tế rằng những người liên quan thường được trông đợi hoặc quen với việc dựa vào uy quyền hoặc một loại uy quyền khác nhau. Môi trường xã hội có lợi cho tin đồn xảy ra khi xã hội quan tâm và lo ngại về một quá khứ hay một sự kiện được mong đợi, khi thiếu thông tin chính thức và lời giải thích, và khi việc kiểm soát của xã hội liên quan đến tình huống không nằm ngoài tầm kiểm soát của hầu hết các thành viên cộng đồng<sup>(\*)</sup>.

(\*) Để thảo luận chi tiết hơn về khía cạnh này của tin đồn, xem: Leon Festinger và các tác giả khác, “Nghiên cứu về tin đồn: Nguồn gốc và sự lan truyền”, *Quan hệ con người*, I (1948), 464-486.

Dưới những điều kiện này, chúng ta trông đợi nhiều hơn vào các cuộc thảo luận phi chính thức khi sự quan tâm của các cá nhân có xu hướng gia tăng. Công chúng có thể được mở rộng để bao gồm những người ban đầu vốn không quan tâm hay được biết thông tin về tình hình. Khi những người này chuyển từ nhóm thảo luận này sang nhóm thảo luận khác, lời đồn đoán có xu hướng được truyền đến người khác như là một tin đồn; và tin đồn sẽ được thể hiện như là một sự thật, thường được củng cố bằng cách trích dẫn những nguồn được cho là chính thống.

Thông thường, công chúng tin đồn có nhiều cảm xúc hơn các nhóm công chúng khác. Đôi khi, nó hơi giống hành vi đám đông. Đối tượng tin đồn thường gợi nhiều liên tưởng cảm xúc - hấp dẫn, kỳ quặc, kỳ lạ. Những vấn đề liên quan đến phóng hỏa, giết người và lệch lạc giới tính thường được dùng làm các chủ đề tin đồn (ít nhất là trong xã hội Mỹ). Trong chừng mực công chúng phản ứng về mặt tình cảm với một vấn đề, sự kiểm soát hợp lý, tin tức về nó là sự giải thoát và sự suy đoán, và sự tưởng tượng sẽ được khơi dậy. Goldhamer cho rằng sự xúc động dễ thay thế/di chuyển đối với con người hơn đối với những đối tượng không phải là con người (Xem: Herbert Goldhamer, 1950). Tin đồn có nhiều khả năng xảy ra khi sự quan tâm của xã hội tập trung vào một người, mặc dù các nhóm được quy chụp với những định kiến nặng về cảm xúc cũng có thể gây ra tin đồn.

Trong các giai đoạn đầu của quá trình này, các thành viên công chúng liên quan đến tin đồn thay đổi rất nhiều về mặt thái độ đối với đối tượng, vấn đề

hay sự kiện, theo cường độ và loại quan tâm, mối lo ngại hay sự lo lắng. Sự thay đổi này có lẽ lớn hơn hầu hết các loại công chúng khác. Việc truyền tin đồn có xu hướng làm giảm sự chênh lệch trong thái độ và tạo ra một định nghĩa chung về tình hình và một cảm giác hoặc tâm trạng thường gặp. Tin đồn là một cách để một tập thể, dù là một tập thể tạm thời và không ổn định, xuất hiện từ một tập hợp.

## II

Công trình của Allport và Postman tiêu biểu cho một trong những nỗ lực toàn diện nhất để xem xét tin đồn một cách khách quan (Xem: Gordon W. Allport và Leo Postman, 1947). Sử dụng những gợi ý phương pháp học từ các thí nghiệm tâm lý về trí nhớ và sự gợi nhớ, những nhà nghiên cứu này đã thiết kế một loạt các thí nghiệm được kiểm soát một cách cẩn thận, sử dụng các chuỗi gồm sáu hoặc bảy đối tượng được lựa chọn. Đối tượng đầu tiên sẽ được thấy một kích thích thị giác, dưới hình thức một hình ảnh về một khung cảnh xã hội có tính gợi mở. Từ đó đối tượng sẽ chuyển những ấn tượng của mình về hình ảnh đó sang người thứ hai, người thứ hai sẽ tiếp tục chuyển những ấn tượng của mình nhận được từ báo cáo của người thứ nhất sang người thứ ba và tiếp tục như vậy. Các kết luận về bản chất của tin đồn được rút ra bằng cách so sánh “báo cáo cuối cùng” với các kích thích ban đầu.

Allport và Postman tóm tắt các kết luận của mình bằng ba khái niệm: *cân bằng, làm sâu sắc thêm và đồng hóa*. “Cân bằng” đề cập đến xu hướng khi một tin đồn lan truyền, nó “trở nên ngắn hơn, súc tích hơn, dễ nắm bắt và

đễ kể hơn. Trong các phiên bản kế tiếp, ít từ được sử dụng hơn và ít chi tiết được nhắc đến hơn” (Gordon W. Allport và Leo Postman, 1947, tr.76). “Làm sâu sắc thêm” được định nghĩa là “sự nhận thức, ghi nhớ và báo cáo chọn lọc một số chi tiết giới hạn của một bối cảnh lớn hơn” (Gordon W. Allport và Leo Postman, 1947, tr.86). Và “đồng hóa” “liên quan đến lực hấp dẫn mạnh mẽ tác động lên tin đồn bởi bối cảnh trí tuệ và cảm xúc hiện hữu trong tâm trí người nghe” (Gordon W. Allport và Leo Postman, 1947, tr.100).

Những khái niệm này không phải là những giả thuyết mang tính gợi ý mà chúng là những khái quát cụ thể và rõ ràng. Ví dụ, Allport và Postman nói rằng: “Những gì nhìn thấy hoặc nghe thấy *phải* [nguyên văn] được đơn giản hóa theo các quá trình tiết kiệm bộ nhớ” (Gordon W. Allport và Leo Postman, 1947, tr.147). “Người ta thường cho rằng những tin đồn được thêu dệt khi nói chuyện hoặc chúng được phóng to như một quả cầu tuyết đang lăn. Đó là một quan niệm sai lầm” (Gordon W. Allport và Leo Postman, 1947, tr.163). “Sự rập khuôn là kết quả của việc đơn giản hóa thái quá để giảm thiểu nỗ lực tinh thần” (Gordon W. Allport và Leo Postman, 1947, tr.103).

Tiếp cận của Allport-Postman khác với những tiếp cận khác đề cập đến tin đồn như một hình thức dư luận xã hội và đề cập đến dư luận xã hội như một quá trình tập thể phức tạp. Họ giả định rằng bối cảnh xã hội nơi những tin đồn xảy ra có thể được biến thành một chuỗi các đối tượng; rằng, bằng cách ngầm định, sự lan truyền rộng rãi của tin đồn không gì khác ngoài việc bổ sung những

chuỗi đó; và rằng tin đồn có thể được giải thích, ít nhất một phần nào đó, bằng cách tham chiếu các cơ chế tâm lý thống nhất và phổ biến như “quá trình tiết kiệm bộ nhớ”.

Ngoài ra, có lẽ còn quan trọng hơn, Allport và Postman đã tiến hành giả định rằng tin đồn về cơ bản là kết quả của việc bóp méo thông tin trong nhận thức và trong giao tiếp bằng lời nói *đơn phương*. Vì vậy, trong quá trình thí nghiệm của họ, họ đã hoàn toàn bác bỏ những thay đổi về mặt ý nghĩa và động cơ, những thay đổi xảy ra trong quá trình thảo luận phi chính thức. Họ cũng bỏ qua khả năng cùng một cá nhân lan truyền tin đồn đến một loạt những người khác có thể kể các phiên bản khác nhau cho mỗi người. Đó không phải là do trí nhớ của người ấy mà là do mối quan hệ của họ với những người nghe.

Ngoài mặt, rõ ràng rằng những người xây dựng và lan truyền tin đồn không phản ứng một cách thụ động với một kích thích như Allport và Postman ám chỉ, họ chỉ hành động trong một tình huống có vấn đề và gợi nhiều cảm xúc đối với họ. Những kỳ vọng, nỗi sợ hãi, lo âu, thù địch và khát vọng của xã hội thường được thể hiện một cách rõ ràng trong các tin đồn. Sự phát triển và lan truyền tin đồn liên quan đến việc giải thích, thảo luận, suy đoán và tưởng tượng một cách sáng tạo.

Tương tự như vậy, quan sát thông thường tiết lộ rằng sự giao tiếp là một mạng lưới thời gian - không gian phức tạp, liên quan đến những người nhận, thảo luận, diễn giải, quên và lan truyền những thái độ và niềm tin trong một loạt các tình huống xã hội. Tốc độ nhanh chóng và tính chất phức tạp của

quá trình khiến tin đồn trở thành một vấn đề khó kiểm tra một cách khách quan. Có rất ít khả năng các vấn đề về phương pháp có thể được giải quyết bằng cách áp dụng các quy trình đơn giản hóa và kiểm soát chính thống được sử dụng trong tâm lý học thực nghiệm. Những bất ngờ trong phương pháp đưa đối tượng điều tra hoàn toàn ra khỏi bối cảnh đến mức các kết quả không còn liên quan đến tin đồn mà chỉ còn là những nhận thức, trí nhớ và sự gợi nhớ đơn giản. Bởi Allport và Postman thiết kế tình huống thực nghiệm của mình như một phòng học, các kết luận của họ - cân bằng, làm sâu sắc thêm và đồng hóa - tương tự như những kết luận của các nhà tâm lý học giáo dục về việc duy trì nền giáo dục chính quy.

Từ đó Allport và Postman tóm tắt các kết luận của họ một cách khá chính xác theo các khái niệm cân bằng, làm sâu sắc thêm và đồng hóa, việc kiểm tra các khái niệm này có thể được tiến hành để xác định liệu những kết luận thu được từ phương pháp của họ có ý nghĩa và mang tính thuyết minh không khi được áp dụng trong các trường hợp thực tiễn - những tình huống “tự nhiên” chứ không phải những tình huống thực nghiệm. Một số các tin đồn đã được điều tra bởi các tác giả được trình bày ở đây như là một kiểm tra thực tiễn phương pháp Allport-Postman và như là một nghiên cứu trường hợp chung về tin đồn.

### III

Các tin đồn được lan truyền tại một thành phố nhỏ ở miền Trung Tây trong thời điểm người dân đang lo lắng về một vụ án chưa được phá - vụ cưỡng hiếp và sát hại một cô gái mười lăm tuổi. Các tin đồn, hay bộ các tin đồn, có rất nhiều

biến thể nhưng đều có chung một chủ đề: ông chủ chủ gia đình thuê nạn nhân làm người giữ trẻ buổi tối hôm đó đã quay trở về nhà từ một buổi tiệc không cùng với vợ mình và sát hại cô gái. Mặc dù không có xác minh đáng tin cậy vào thời điểm đó hay các thời điểm sau đó, các tin đồn được lan truyền trong khắp cộng đồng dẫn đến sự phấn khích đáng kể. Thời gian kể từ thời điểm xảy ra vụ án cho đến khi các tin đồn lan truyền là hai tuần. Trong hai ngày đầu tiên, báo đài dành riêng các tin bài để báo cáo tất cả các chi tiết có thể về vụ sát hại và rà soát các vụ án tương tự xảy ra trong hai năm trở về trước trong cùng khu dân cư.

Tiếp đến là một số các sự kiện được sử dụng để kích thích sự quan tâm đến vụ án và suy đoán về danh tính của kẻ sát nhân. Thông qua báo đài, cảnh sát kêu gọi bất kỳ thông tin nào có liên quan đến vụ án. Người dân được yêu cầu trình báo cảnh sát về bất kỳ người đàn ông nào có vết trầy xước hoặc vết cắt trên mặt hoặc trên bàn tay. Một chiến dịch được tổ chức để trao thưởng cho bất kỳ thông tin nào dẫn đến việc bắt kẻ sát nhân. Đội Vệ binh Quốc gia được gọi đến để kiểm tra toàn bộ khu vực nhằm tìm ra các dấu mối có thể. Ở một khu vực gần nơi vụ sát hại xảy ra, cảnh sát đuổi bắt và nã súng vào một người đi dạo nhưng đã không bắt được hắn. Xe cảnh sát liên tục tuần tra trên các đường phố ở các vùng lân cận.

Các hoạt động khác nhau bày tỏ sự quan tâm đặc biệt của các nhóm cụ thể và phục vụ cho việc tăng cường sự quan tâm chung của xã hội như được ghi nhận bởi những người khác. Rất nhiều người dân đã lái xe ngang qua hiện trường vụ án. Có những người dành hết

tâm sức để thu thập thông tin về gia đình của cô gái và gia đình thuê cô làm người trông trẻ. Các biện pháp được thực hiện để bảo vệ các gia đình khỏi những kẻ xâm nhập. Các bé gái và các cô gái trẻ được cảnh báo không đi lại một mình sau khi trời tối. Vụ án hiếp-giết đã trở thành một chủ đề chung bất cứ khi nào mọi người tụ tập và nói chuyện.

Gần như ngay lập tức sau khi vụ án xảy ra, tin đồn bắt đầu lan truyền về danh tính của kẻ sát nhân. Những tin đồn (hay suy đoán) này rất đa dạng, rải rác và trong thời gian ngắn. Người ta nói hoặc đoán rằng kẻ sát nhân là một người da đen; một học sinh cấp ba; một người lái xe taxi, và một cậu bé bị dâm.

Cũng có những tin đồn về hoạt động kém hiệu quả và sự tham nhũng của giới cảnh sát. Các vấn đề về thẩm quyền của cảnh sát tiếp tục là đề tài thảo luận chung của xã hội trong và sau thời gian có tin đồn kẻ sát hại cô gái trông trẻ chính là người chủ của cô ấy. Người mà chúng tôi sau đây sẽ gọi là “anh X”, đã bị cáo buộc là rời khỏi bữa tiệc vợ chồng anh đang tham dự, quay trở về nhà, cưỡng hiếp và sát hại cô gái, rồi quay trở lại bữa tiệc sau khi đã thay quần áo. Nói chung, đây là yếu tố phổ biến trong các tin đồn được lan truyền trong ba hoặc bốn ngày.

Có vô số các biến thể được xây dựng từ chủ đề trung tâm này cho thấy sự giải thích, suy đoán và trí tưởng tượng sáng tạo của một bộ phận xã hội theo chiều hướng liên kết câu chuyện với những quan niệm trước đây về các vụ sát hại, gán các đặc điểm thường thấy của những tên tội phạm tình dục với anh X, xây dựng cơ sở để đồng cảm với vợ của

anh ta, cung cấp tin tức xác minh xác thực, tạo nên một câu chuyện giật gân.

Cả hai tác giả đều sống trong khu vực đã quan sát một cách cẩn thận hết mức có thể sự lưu truyền của riêng bộ tin đồn này và tập hợp tất cả các thông tin có thể về các sự kiện trước đó. Khoảng một trăm sinh viên đại học, cư trú ở các nơi khác nhau trong khu vực, được yêu cầu viết lại bất kỳ tin đồn hay thông tin nào họ nghe được tuần trước liên quan đến vụ án giết-hiếp<sup>(\*)</sup>. Các loại tin đồn thu thập được thông qua cách này cho thấy một cấu trúc có một chủ đề cơ bản nhưng kèm theo đó một loạt các cách giải thích chi tiết, một số các cách giải thích đó mâu thuẫn với nội dung lý tưởng.

### **Sự vắng mặt của anh X trong bữa tiệc**

“Anh X rời khỏi bữa tiệc trong 2 tiếng, từ 9h30 đến 11h30”.

Các nguồn thông tin khác nhau nói khoảng thời gian là nửa tiếng, 1 tiếng rưỡi, từ 11h00 đến 12h30, và từ 11h00 đến 12h00.

“Khi anh X quay trở lại bữa tiệc, anh ta đã hoàn toàn thay đổi quần áo mặc trên người, có vài vết trầy xước trên mặt anh ta”.

Các nguồn thông tin khác nhau nói có những vết trầy xước trên lưng và trên ngực anh ta.

“Người ta nói X rời bữa tiệc trong khoảng 2 tiếng. Anh ta nói anh ta ra ngoài mua thêm rượu, nhưng thực chất

<sup>(\*)</sup> Dĩ nhiên, các thông tin này không có mẫu đại diện cho những tin đồn đang lan truyền lúc bấy giờ; không nhất thiết phải có tất cả các tin đồn đang lan truyền trong cộng đồng. Không bao gồm các trùng lặp thực sự của những tin đồn được đưa ra ở đây.

anh đã quay trở về nhà và hoàn toàn làm cô gái trẻ bất ngờ”.

Cũng có thông tin nói rằng anh ta nói anh điên tở khai thuế thu nhập trong lúc vắng mặt.

“Khi anh X quay trở lại bữa tiệc, trên giày anh ta có vết máu và bùn”.

“Anh X đã rời khỏi bữa tiệc, đi xe buýt, giết người và quay trở lại bữa tiệc”.

### **Phát hiện và bắt giữ anh X**

“Anh X bị bắt và thẩm cung suốt một ngày”.

“Anh X đang bị bắt giữ ở thành phố Jackson” (cách 30 dặm).

“Chó nghiệp vụ theo dấu máu ba lần theo dấu con đường dẫn đến nơi anh X chơi bài, nhưng do những lý do chính trị, việc bắt giữ không được thực hiện dựa trên đầu mối này”.

“Anh X đã thú tội ở thành phố Jackson”.

“Khi bị cảnh sát tra hỏi, X đã đưa ra vài câu chuyện về nơi anh ta ở khi vắng mặt khỏi bữa tiệc”.

“X đã bị giam ở nhà tù địa phương để thẩm vấn. Anh ta đã ở đấy hai ngày và không thể giải thích cho 2 tiếng anh ta vắng mặt khỏi bữa tiệc”.

“X đã ký vào bản thú tội. Anh ta đã ngay lập tức chuyển đến California, sau đó lương tâm cảm thấy cắn rứt, anh ta đã gửi bản thú tội đã được ký đến cảnh sát địa phương”.

“Cảnh sát và FBI đã theo dõi anh ta kể từ sau đám tang”.

“Tôi nghe tin anh ta đang bị giữ để thẩm vấn và cảnh sát đang cố bắt anh ta thú tội”.

“Anh X đang ở trại giam”.

“Cảnh sát đã đón anh ta đêm qua và nhanh chóng đưa anh ta rời khỏi thành phố Jackson. Họ sợ để anh ta ở đây”.

“Anh X đang bị giữ ở thành phố Jackson để thẩm vấn và làm các cuộc kiểm tra, ví dụ như kiểm tra qua máy phát hiện nói dối”.

“Thực tế là, anh X không bị bắt giữ. Họ tin là anh ta có thể đang ở California”.

“Anh X đang ăn náu với gia đình ở Utah”.

“X đang bị giam giữ vì tội giết người; anh ta đã bị bắt giam ở Minnesota”.

“Cảnh sát đã thẩm vấn anh ta vài lần nhưng anh ta không đưa ra được câu trả lời thỏa đáng về nơi mình đã ở” [trong khoảng thời gian vắng mặt khỏi bữa tiệc].

### **Bằng chứng liên quan đến vụ tấn công**

“Anh ta... vào nhà bằng cửa trước; thế nên đèn ở hiên bật sáng, bởi vì cô B nhận ra anh ta và cho anh ta vào nhà. Anh ta đặt cái giá cửa ở bên cạnh cửa sổ và làm vỡ cửa sổ nên làm cho nó giống như kẻ sát nhân đã đi vào qua cửa sổ”.

“Trong nhà không có dấu vân tay nào khác ngoài dấu vân tay của gia đình X”.

“Chiếc dây quần quanh cổ cô B trước đó đã ở một nơi rất kín trong tủ quần áo và kẻ tấn công không thể nào tìm ra nó nếu như hắn không biết trước nó ở đâu. Sau đó tôi nghe nói rằng cửa sổ bị phá từ bên trong”.

“Vết bùn dẫn vào phòng khách cho thấy hắn đã sử dụng cửa trước”.

“Chốt cửa sổ mà có lẽ hắn ta đã trèo vào bị phá vỡ từ bên trong”.

“Anh X đi vào bằng cửa trước nhà mình và sau đó dựng hiện trường ở cửa sổ”.

“Không có vết trầy xước nào trên chiếc đàn piano ở trước cửa sổ, nên anh ta đã đi vào bằng cửa trước”.

“Khi vợ chồng anh ta trở về nhà tối hôm đó, anh ta đã không cho vợ mình vào trong nhà, anh ta khẳng khăng để mình vào nhà và sau đó quay trở ra và kể những gì anh ta đã nhìn thấy”.

“Cái cửa sổ quá nhỏ để một người đàn ông trèo qua”.

“Khi cậu con trai nhỏ của anh ta được hỏi đêm đó cậu bé có sợ không, cậu bé trả lời ‘Không, bố cháu ở đó’.

“Khi con của X được hỏi cậu bé nhìn thấy hay nghe thấy gì đêm xảy ra vụ sát hại, cậu bé trả lời ‘Cháu nhìn thấy một người đàn ông giống bố cháu’.

“Cảnh sát tìm thấy bộ quần áo đẫm máu mà anh ta đã mặc khi giết cô gái”.

“Bộ quần áo anh ta đã mặc được tìm thấy ở dưới tầng hầm”.

“Tóc anh ta màu vàng như sợi tóc được tìm thấy tại hiện trường vụ án”.

“Anh ta thay đồ trong phòng tắm nên vợ anh ta không thể nhìn thấy những vết xước trên người anh ta”.

“Anh ta đi vào bằng cửa trước, và cửa sổ bị đập vỡ trong lúc vật lộn. Dấu chân của anh ta khớp với dấu chân được tìm thấy”.

### **Bảng chứng được cung cấp bởi các cá nhân**

“Thông tin về sự vắng mặt của anh X được cung cấp bởi một đôi vợ chồng có mặt tại bữa tiệc vào đêm xảy ra vụ sát hại”.

“Anh X, người thuê người trông trẻ, đã bị vợ mình chỉ điểm bởi vì anh đã rời khỏi bữa tiệc 1 tiếng rưỡi vào thời điểm vụ sát hại xảy ra”.

“Anh X bị vợ mình chỉ điểm. Cô không thấy anh ta trong 1 tiếng vào thời điểm vụ án. Cô tìm thấy bộ quần áo đẫm máu của anh ta trong tầng hầm”.

“Cô X đưa ra đầu mối khiến anh X bị bắt; cô tuyên bố ý định ‘không bao giờ sống với hắn ta một lần nữa’ do những bất đồng hôn nhân trước đó”.

“Cô X theo dõi khi anh ta thay đồ trong phòng tắm và nhìn thấy những vết xước trên người anh ta. Cô đã trình báo điều này với cảnh sát”. “Vợ anh ta đã bỏ anh ta; cô ấy đã biết sự thật từ lâu”.

“Vợ hoặc bố vợ đã tố cáo anh ta với cảnh sát”.

“Mẹ anh ta đã tố cáo anh ta với cảnh sát, nói rằng anh ta là kẻ loạn dâm, và rằng anh ta đã ‘đi quá xa’”.

“Người nào đó ở bữa tiệc đã gửi thư đến cảnh sát tố cáo sự vắng mặt của anh X”.

### **Phản ứng của cô X**

“Người vợ che đậy cho anh ta, nhưng cô ấy đã đến California để sinh đứa con thứ hai”.

“Vào ngày tang lễ, anh ta đã đưa vợ về nhà của cô ở Minnesota. Khi ở đó, cô ấy đã gọi cho linh mục của mình ở Canton và cầu xin ông giúp mình. Người ta nghi ngờ không biết liệu cô X hay vị linh mục là người chỉ điểm anh X với cảnh sát. Vì cú sốc khi phát hiện ra cô gái bị sát hại, cô X đã sảy thai”.

“Vợ chồng anh X đã rời khỏi thị trấn cho đến khi mọi sự trôi qua”.

“Cô X đã về nhà của mình ở Bắc Dakota”.

Cũng có những nguồn nói rằng đó là ở Wisconsin, Texas và Illinois.

“Vợ anh ta bị suy nhược thần kinh”.

“Cô X đã có thai 4 tháng và đã bị sảy thai”<sup>(\*)</sup>.

“Cô X đã phát điên”.

“Cô X đang ở California, nơi cô ấy đã sinh đứa con chết yếu do những ảnh hưởng của vụ án đến sức khỏe sinh lý”.

“Vợ anh ta cùng con đã đến nhà mẹ mình ở Wisconsin. Đó được cho là lý do khiến cô ấy sảy thai”.

“Người ta nói rằng cô X đã mang thai, và cô đã ngất khi chồng mình bị bắt. Cô ấy được báo là đang ở trong bệnh viện và đã hôn mê khoảng 10 ngày”.

#### Hình tượng của anh X

“Tôi nghe nói anh ta là kẻ loạn dâm từ hồi còn trẻ”.

“Anh ta là một người vô cùng thông minh, có chứng chỉ CPA và có năng khiếu âm nhạc”.

“Cô K, dì của cô gái bị giết, học cùng trường với anh X và nói rằng anh ta là một kẻ kỳ quặc”.

“Vợ anh ta nói rằng anh ta đã trở nên ‘điên vì gái’ trong suốt 6 tháng qua”.

“Anh X có lần đã phải vào bệnh viện tâm thần”.

“Vợ chồng anh X gần đây chung sống không hòa thuận”.

“Người ta nói rằng anh X là một kẻ nghiện rượu tệ hại và thích chèn chèn trong thị trấn”.

“Anh X mắc phải chứng bệnh thần kinh khi đi lính trong chiến tranh, và để thấy anh ta ở trong tình trạng điên rồ”.

“Cuộc hôn nhân của vợ chồng anh X đang trên bờ vực trong một năm qua. Cô ấy đã nộp đơn ly dị”.

“Anh X bị nghỉ nghề dính líu đến vụ án Ferguson xảy ra 5 năm trước”.

“Họ [Vợ chồng X] không hòa hợp trong chuyện chăn gối”.

“Có mối liên quan giữa anh ta và vụ sát hại Ferguson xảy ra vài năm trước”.

“Anh ta thường rời khỏi bữa tiệc và quay trở lại sau đó, thế nên không ai thấy hành động của anh ta kỳ lạ”.

“Anh ta say xỉn và không thể giải thích lý do vắng mặt trong mấy tiếng đó”.

#### IV

Có thể chủ đề trung tâm - anh X đã cưỡng hiếp và sát hại cô gái trong lúc vắng mặt khỏi bữa tiệc - phát triển trong quá trình suy đoán về danh tính của kẻ tấn công. Do chủ đề này xuất hiện đầu tiên, gần như có thể chắc chắn rằng tin đồn này không hoàn chỉnh. Trong các phiên bản được thêm thắt, các phiên bản có xu hướng kết nối câu chuyện với những quan niệm trước đây về các vụ sát hại dường như đi theo hướng của chủ đề trung tâm ngay lập tức.

Tuy nhiên, đây không chỉ là một trường hợp đơn giản về những phiên bản được thêm thắt lan truyền nối tiếp nhau trong cộng đồng. Nhiều người không được nghe phiên bản gốc cho đến khi nó đã bị thêm thắt đáng kể. Không có lý do gì để tin rằng mỗi phiên bản đặc biệt có nguồn gốc khác nhau và lan truyền một cách tách biệt khỏi các phiên bản khác<sup>(\*)</sup> (Gordon W. Allport và

<sup>(\*)</sup> Thông tin cô X mang thai là đúng. Tuy nhiên, cô ấy được dự sinh vài tháng sau đó.

<sup>(\*)</sup> Cũng có vẻ như không thể xảy ra trường hợp chủ đề trung tâm bắt nguồn từ kinh nghiệm cảm nhận về một sự kiện do khoảng thời gian trôi giữa vụ sát hại và các tin đồn. Lập trường của Allport và Postman là “hầu hết các tin đồn bắt

Leo Postman, 1947, tr.116). Tin đồn chắc chắn sẽ được thêm thắt khi nó được truyền từ người này sang người khác, được thảo luận trong một loạt các tình huống xã hội, và được lý giải bởi các cá nhân với những mối quan tâm hay những định kiến đặc biệt.

Việc tin đồn lớn dần trong quá trình lan truyền phụ thuộc vào quan điểm được sử dụng để giải thích. Sự phát triển này cho thấy sự phóng đại ngày càng tăng và ngụ ý rằng các chi tiết được giữ lại do các ý tưởng mới đan xen nhau. Xem xét toàn bộ hiện tượng như một Gestalt của những tin đồn liên quan đến nhau, có lẽ bắt nguồn từ cùng một nguồn gốc và được khác biệt hóa thành các chi tiết phong phú, có thể thấy hiện tượng này đã phát triển như một quả cầu tuyết. Chắc chắn đã có sự tích lũy các chi tiết; cho dù bất kỳ chi tiết nào đó đã hoàn toàn bị mất trong quá trình lan truyền và không biết được chi tiết nào được thêm vào.

Nếu coi mỗi một tin đồn cụ thể có một nguồn gốc độc lập và một “công việc” riêng biệt, thì trường hợp cân bằng, trái ngược với phát triển, có thể được hỗ trợ rất hiệu quả, chủ yếu bởi vì theo một cách logic, một tin đồn độc lập, có tính chất đặc thù không thể phát triển. Theo ý kiến của chúng tôi, khung tham chiếu như vậy sẽ hạn chế khả năng đảm bảo những thông tin có thể làm sáng tỏ bản chất của tin đồn - nếu tin đồn về cơ bản là một khía cạnh của dư luận xã hội và nếu việc truyền thông trong xã hội được thực hiện thông qua các kênh liên tưởng đa phương.

---

dầu là một báo cáo về một tình tiết thực tế - tức là, với kinh nghiệm cảm nhận của một ai đó về một sự kiện...”.

Rõ ràng có xảy ra điều tương tự như những gì Allport và Postman gọi là “đồng hóa”. Việc có định kiến anh X là mẫu người đàn ông sẽ phạm những tội ác như vậy; việc miêu tả cô X phản ứng giống như cách một người phụ nữ sẽ phản ứng khi đối mặt với một tình huống cụ thể; hành vi cáo buộc của cảnh sát trong vụ án và thẩm vấn anh X - tất cả những điều này có thể được coi là những biểu hiện của những định kiến văn hóa được đồng hóa vào trong chủ đề trung tâm, khiến cho toàn bộ cấu trúc trở nên ấn tượng và giạt gân hơn, nhưng không nhất thiết phải “mạch lạc, hợp lý và hoàn hảo” hơn (Gordon W. Allport và Leo Postman, 1947, tr.101).

Đồng hóa không chỉ đơn giản là “lực hấp dẫn mạnh mẽ tác động lên tin đồn bởi bối cảnh trí tuệ và cảm xúc hiện hữu trong tâm trí người nghe” (Gordon W. Allport và Leo Postman, 1947, tr.100). Người nghe - người giải thích - người truyền đạt được thúc đẩy trong một tình huống xã hội. Từ những thái độ và niềm tin còn lại tiềm ẩn trong trí nhớ của một người, người ấy chọn một cách có chủ ý hoặc vô thức những thái độ hoặc niềm tin mà họ xác định là phù hợp với tình huống<sup>(\*)</sup> (Gordon W. Allport và Leo Postman, 1947, tr.315). Sự đa dạng của những tình huống xảy ra trong xã hội như vậy gần như đòi hỏi sự thay đổi về mặt ý nghĩa và tầm quan trọng.

---

<sup>(\*)</sup> Một ý kiến, trong trường hợp của một người, là một sản phẩm của: ‘quan điểm’ cụ thể gợi ra ý kiến; nền tảng văn hóa của người đó, vì nó có liên quan đến quan điểm và giá trị của nó phụ thuộc vào tình hình hiện tại, bao gồm nhất là các sự cố sống động gần đây liên quan đến ‘quan điểm’; và trải nghiệm của riêng cá nhân, cho đến mức độ khác nhau của chúng so với những trải nghiệm thông thường của các nhóm và xã hội của người đấy.

Cơ sở mà các tin đồn sử dụng trong báo cáo này rất khác so với một tình huống thực nghiệm giả. Vụ án giết - hiếp là thật, chứ không phải là những sự kiện hư cấu. Công chúng bao gồm những phụ nữ lo lắng về sự an toàn của họ; những bạn bè, người thân và hàng xóm cảm thông; những người đàn ông trẻ đã tìm kiếm đầu mối cùng với Đội Vệ binh Quốc gia; và rất nhiều người quan tâm một cách gián tiếp đến một loạt các hoạt động<sup>(\*)</sup>. Khi xã hội bao gồm những người với nhiều những mối quan tâm khác nhau - và điều này xảy ra với gần như mọi xã hội - bất kỳ sự kiện hay tình huống nào cũng có thể được định nghĩa và diễn giải một cách đa dạng.

Không có bằng chứng nghiên cứu hiện thời nào về “quá trình tiết kiệm bộ nhớ”. Dường như có nhiều khả năng những người ít quan tâm thường sẽ quên các chi tiết, trong khi những người quan tâm sâu sắc sẽ nhớ chúng, ít nhất là những chi tiết họ coi là quan trọng.

Allport và Postman tổng quát rằng các tên riêng và chức danh thường bị bỏ qua trong quá trình lan truyền tin đồn. “Trong hầu hết các thí nghiệm của chúng tôi, tên địa điểm và tên người thường bị lược bỏ hoặc bị thay đổi không nhận ra được” (Gordon W. Allport và Leo Postman, 1947, tr.84). Không có bằng chứng về sự thiếu sót hoàn toàn các tên riêng và chức danh trong các tin đồn được kiểm tra trong báo cáo này. Trên thực tế, hầu như tất cả những

người được thẩm vấn đều nêu cụ thể tên của những kẻ tấn công bị cáo buộc và các nạn nhân, và trong nhiều trường hợp, người được thẩm vấn còn nhắc đến cả nơi vợ chồng anh X đã ở vào buổi tối.

Có thể có xu hướng lược bỏ các tên và chức danh trong các loại tin đồn cụ thể mà không ảnh hưởng đến nội dung cơ bản của tin đồn; trong các loại tin đồn khác, tính hiệu quả của tin đồn dường như phụ thuộc vào khả năng nhớ các chi tiết của người nhận tin. Nếu họ rất quan tâm và cảm xúc của họ được khơi dậy, họ nhớ lại từng chi tiết nhất định một cách rõ ràng và chi tiết; họ thậm chí có thể lấy các chi tiết từ những trải nghiệm khác với các mức độ chính xác khác nhau, và sử dụng nó cho trải nghiệm hiện tại. Ví dụ, một số người có khuynh hướng đưa những thông tin từ phiên bản gốc của báo đài vào tin đồn.

Một phần của sự bóp méo có thể được giải thích bởi thực tế là một người, trong vai trò người lan truyền, có thể quan tâm đến tin đồn nhiều hơn khi ở trong vai trò người nhận. Thông tin bên trong liên quan đến một vấn đề dư luận quan tâm đặt một người tạm thời vào một vị trí có uy tín; và vị trí có uy tín của người lan truyền an toàn hơn nếu như câu chuyện được kể nghe chân thực. Người lan truyền có đủ động lực để quên những chi tiết khiến câu chuyện trở nên mơ hồ, để nhấn mạnh những chi tiết khiến nó hợp lý, và để đưa vào những chi tiết chứng thực mới.

Hạn chế lớn trong nghiên cứu thực nghiệm tin đồn và các hình thức của hành vi tập thể khác nằm ở sự thất bại trong việc tạo, hay thậm chí kích thích, các trạng thái tạo động lực hòa hợp cảm

(\*) Việc Sở Cảnh sát kêu gọi người dân tố cáo bất kỳ nam giới nào có vết xước hoặc vết cắt trên mặt hoặc tay khiến cho tất cả đàn ông và các nam thanh niên trở thành đối tượng khả nghi và có xu hướng làm tăng sự lo lắng, đặc biệt sau khi các báo cáo về những người vô tội đã bị bắt giữ và thẩm vấn được lưu hành.

xúc. Điều này đúng với cả nhóm thảo luận nhỏ lẫn xã hội<sup>(\*)</sup>.

Nghiên cứu tin đồn trong các tình huống không kiểm soát rõ ràng cho thấy những khó khăn về phương pháp. Tin đồn có vẻ như là một hiện tượng nhất thời, khó nắm bắt mà không thể được tiếp cận một cách có hiệu quả theo quan điểm trước đây. Chờ đợi cho đến khi sự quan tâm lắng xuống sẽ làm mất đi một phần lớn các thông tin cơ bản và gặp nguy cơ hợp lý hóa sau đó.

Các đặc tính cơ bản của tin đồn, ví dụ như yêu cầu quan sát cẩn thận tại chỗ, ít ra là ở giai đoạn này, tốt nhất là bởi một nhóm các nhà điều tra. Mặc dù nội dung lý tưởng của tin đồn là thông tin dễ có được nhất và khách quan nhất ở ngoài mặt, nó không nhất thiết phải liên quan nhất về mặt xã hội học. Trong cuộc điều tra tin đồn có hệ thống, cần chú trọng đến những vấn đề như thành phần xã hội, việc xây dựng các tín ngưỡng văn hóa và thái độ thông qua việc truyền đạt tin đồn<sup>(\*\*)</sup>, hành vi vai trò trong nhóm thảo luận tin đồn, và đặc điểm tính cách của những người chuyên lan truyền tin đồn.

Điều đặc biệt quan trọng là sự xuất hiện và truyền đạt tin đồn được coi là một quá trình. Cần xem xét đến những câu hỏi như liệu có một chu kỳ tin đồn điển hình liên quan không, hay có lẽ sự hình thành của một cộng đồng nhờ mối

quan tâm chung đến một vấn đề hay sự kiện; cuộc thảo luận tương đối không tập trung từng bước xác định các đối tượng quan tâm; gia tăng mối quan tâm và thảo luận; sự xuất hiện của tin đồn; sự phát triển của một tin đồn xã hội và sự gia tăng tin đồn; sự biến mất của tin đồn xã hội; và sự tái tổ chức thái độ và niềm tin của xã hội □

#### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Herbert Goldhamer (1950), “Dư luận xã hội và tính cách”, Tạp chí *Xã hội học Mỹ*, LV, p.346-354.
2. Gordon W. Allport và Leo Postman (1947), *Tâm lý học tin đồn*, Nxb. Henry Holt & Co., New York.

(\*) Allport và Postman không rõ ràng trong vấn đề này. Họ nói rằng các tin đồn “trong nhà” “có thể không sống động hay nghe xúc động, nhưng chúng đều cùng giống nhau về mặt tâm lý.

(\*\*) Hơn cả tầm quan trọng về mặt hàn lâm là vấn đề liệu niềm tin và thái độ được xây dựng trong giai đoạn quan tâm sâu sắc có được thay thế một cách có hiệu quả bởi sự bác bỏ, mà thường đi cùng với việc giảm sự quan tâm không.